

## KẾ HOẠCH

### Triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn thành phố đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Công văn số 7375/BYT-TCDS ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn thành phố đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu như sau:

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu chung

Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

a) Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn duy trì 90% năm 2025; 95% năm 2030 và giảm 50% số cặp tảo hôn; giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống;

b) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 04 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 90% năm 2025; 95% năm 2030;

c) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 05 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 95% năm 2025; 98% năm 2030;

d) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 96% năm 2025; duy trì 100% năm 2030;

đ) Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến quận, huyện trở lên đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 100% năm 2025; duy trì 100% năm 2030;

e) Phát triển nâng cao chất lượng và dịch vụ cơ sở sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh cho 100% Bệnh viện công lập tuyến thành phố và các Bệnh viện tuyến quận, huyện từng bước đến năm 2030.

## **II. THỜI GIAN, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG**

**1. Thời gian:** Từ năm 2021-2030.

**2. Phạm vi:** thực hiện trên phạm vi toàn thành phố.

**3. Đối tượng:**

a) Đối tượng thụ hưởng: vị thành niên; nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ; phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh;

b) Đối tượng tác động: người dân trên địa bàn thành phố, ban, ngành, đoàn thể, cán bộ y tế, dân số, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**1. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật**

a) Về cơ chế, chính sách:

- Rà soát, bổ sung chính sách cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội được sử dụng miễn phí gói dịch vụ cơ bản của Chương trình tại cơ sở y tế trên địa bàn thành phố khi:

+ Thai phụ thực hiện các kỹ thuật tầm soát trước sinh ít nhất 04 loại bệnh tật bẩm sinh để phát hiện sớm các trường hợp dị tật thai nhi (Hội chứng Down, Edward, Patau, dị tật ống thần kinh);

+ Trẻ sinh ra được thực hiện kỹ thuật sàng lọc sơ sinh ít nhất 03 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất để phát hiện sớm một số bệnh lý bẩm sinh (thiếu men G6PD, suy giáp bẩm sinh, tăng sinh tuyến thượng thận bẩm sinh);

- Rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ cho các đối tượng là cộng tác viên dân số, nhân viên y tế áp khi thực hiện tư vấn, vận động đối tượng sử dụng các gói dịch vụ cơ bản;

- Xây dựng các quy trình tiêu chuẩn đối với tổ chức, cá nhân khi tham gia tư vấn và cung cấp các dịch vụ của Chương trình;

- Rà soát, bổ sung chính sách cung ứng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; nam, nữ trước khi kết hôn (trừ trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài) thực hiện khám sức khỏe và tư vấn trước khi kết hôn được miễn phí các dịch vụ tại các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố được Sở Y tế phân công;

- Xã hội hóa cung ứng dịch vụ tư vấn sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

b) Về chuyên môn kỹ thuật:

- Thực hiện danh mục các bệnh tật thuộc gói dịch vụ cơ bản: dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh đã được Bộ Y tế quy định;

- Thực hiện đúng theo quy trình chuyên môn kỹ thuật; quy chuẩn, tiêu chuẩn của cơ sở cung cấp dịch vụ về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; bộ công cụ giám

sát, đánh giá chất lượng dịch vụ và trang thiết bị, dụng cụ, sinh phẩm y tế đã được Bộ Y tế quy định.

## **2. Tuyên truyền vận động và huy động xã hội**

a) Cung cấp thông tin về các hoạt động của Chương trình tới Chính quyền các cấp. Tuyên truyền, vận động các đoàn thể, tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng và người dân ủng hộ, tham gia thực hiện Chương trình. Lồng ghép với các hoạt động, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan.

b) Phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; thanh niên không tảo hôn, không kết hôn cận huyết. Huy động các đoàn thể ở vùng sâu, vùng xa, vùng có người dân tộc tham gia giải quyết tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

c) Đẩy mạnh tư vấn cộng đồng, vận động thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

## **3. Phát triển mạng lưới dịch vụ**

a) Mở rộng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ có chất lượng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

b) Đầu tư hoàn thiện mạng lưới sàng lọc trước sinh, sơ sinh. Đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các điểm, cơ sở, trung tâm cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh, ưu tiên các địa bàn thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho các đơn vị thực hiện sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

c) Đào tạo cán bộ, nhân viên kỹ thuật tiếp nhận, chuyển giao công nghệ y sinh phục vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh. Đào tạo liên tục cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp, người cung cấp dịch vụ bao gồm khu vực ngoài công lập.

d) Mở rộng các loại hình cung cấp dịch vụ của các cơ sở y tế trong và ngoài công lập phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn theo hướng bảo đảm mọi người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ cơ bản tại xã; được tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ. Giám sát chất lượng dịch vụ của các cơ sở y tế, bao gồm cả khu vực ngoài công lập. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở dữ liệu về các đối tượng của Chương trình.

## **4. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật mới**

Nghiên cứu, thử nghiệm và phổ biến kỹ thuật mới trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh.

## **5. Huy động nguồn lực và hợp tác quốc tế**

Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực

hiện Chương trình; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số tham gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao; ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1. Nhu cầu kinh phí: Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch đến năm 2030: 7.924.230.000 đồng. (*Bảy tỷ chín trăm hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng*). (Đính kèm Bảng dự toán kinh phí từng năm).

a) Giai đoạn 2021 - 2025: 3.962.115.000 đồng.

b) Giai đoạn 2026 - 2030: 3.962.115.000 đồng.

2. Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách nhà nước (chỉ thường xuyên, chi đầu tư) bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Lồng ghép với các chương trình, dự án khác có liên quan tại địa phương.

4. Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác là nguồn lực chủ yếu để các tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Y tế**

a) Là cơ quan chủ trì xây dựng kế hoạch, triển khai các nội dung của Chương trình; phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, bổ sung ban hành danh mục các bệnh tật thuộc gói dịch vụ cơ bản, danh mục mở rộng các bệnh tật thuộc Chương trình phù hợp với phát triển của khoa học công nghệ, chuyên môn kỹ thuật.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động về Chương trình trong phạm vi toàn thành phố.

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình, báo cáo Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

##### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính nghiên cứu, huy động vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương và địa phương theo đúng quy định của Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan (nếu có).

##### **3. Sở Tài chính**

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm và phối hợp với Sở Y tế để bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí.

##### **4. Sở Khoa học và Công nghệ**

Phối hợp với Sở Y tế trong việc triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ về nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật mới trong việc sàng lọc, chẩn đoán, điều trị bệnh tật trước khi kết hôn, trước sinh, sơ sinh.

## 5. Ban Dân tộc thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện Chương trình về giảm tình trạng tảo hôn; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, hướng dẫn chuyên môn về sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

## 6. Sở Tư pháp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, tham gia phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành có liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; giải quyết tình trạng tảo hôn.

## 7. Ủy ban nhân dân quận, huyện

a) Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền quyết định, kế hoạch, văn bản chỉ đạo; bố trí kinh phí thực hiện Chương trình. Đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương mình.

b) Chỉ đạo việc thực hiện Chương trình này tại địa phương theo hướng dẫn của Sở Y tế; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án khác có liên quan ở địa phương.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Đoàn thể thành phố, Hội Kế hoạch hóa gia đình thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia triển khai và giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn thành phố đến năm 2030. Yêu cầu Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Đoàn thể thành phố theo chức năng nhiệm vụ được phân công phối hợp với Sở Y tế triển khai thực hiện Kế hoạch này; hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc các đơn vị gửi báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

### Nơi nhận:

- Tổng Cục DS-KHHGĐ;
- TTTU, TT.HĐND TP;
- CT, PCTUBNDTP;
- Thành viên BCĐ CT DSKHHGĐ;
- Các Sở, ban ngành TP;
- UB.MTTQ VNTP và Đoàn thể TP;
- UBND quận, huyện;
- VP UBNDTP (2C, 3C);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.H

CVB 13375

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Tấn Hiền




## DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Đan hành kèm theo Kế hoạch số: ...123.... /KH-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của UBND thành phố

Đơn vị tính: 1000Đ

Số TT	Nội dung	Số lượng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030	Tổng nguồn KP
1	<b>Truyền thông</b>		224.700	224.700	224.700	224.700	224.700	1.123.500	1.120.500	1.123.500
	- Đại chúng									
	+ Thành phố	1	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	250.000		250.000
	+ Quận Huyện (5.000.000đ/ q.h)	9	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	225.000		225.000
	+ Xã (500.000đ/ xã)	83	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	207.500		207.500
	- Nói chuyện chuyên đề (400.000đ/ xã)	83	33.200	33.200	33.200	33.200	33.200	166.000		166.000
	- In sổ theo dõi		15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	75.000		75.000
	- Nhân bản tờ rơi, tờ bướm	20.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	200.000		200.000
2	<b>Tập huấn</b>		20.000	20.000	100.000	30.000	30.000	200.000	200.000	200.000
	Tập huấn cán bộ tuyên truyền, tư vấn, quản lý đối tượng	1 lớp/50 người	10.000	10.000	10.000	15.000	15.000	60.000		60.000
	Tập huấn kỹ năng truyền thông	1 lớp/50 người	10.000	10.000	10.000	15.000	15.000	60.000		60.000



	Siêu âm ổ TS	1 lớp/20 người	0		50.000	0	0	50.000		50.000
	Lấy mẫu máu khô	1 lớp/20 người	0		15.000	0	0	15.000		15.000
	Lấy mẫu gót chân	1 lớp/20 người	0		15.000	0	0	15.000		15.000
<b>3</b>	<b>Giám sát, đánh giá</b>		<b>37.000</b>	<b>37.000</b>	<b>37.000</b>	<b>37.000</b>	<b>37.000</b>	<b>185.000</b>	<b>185.000</b>	<b>185.000</b>
	- Thành phố		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	50.000		50.000
	- Huyện (3.000.000đ/quận, huyện)		27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	135.000		135.000
<b>4</b>	<b>Sàng lọc trước sinh</b>		<b>375.163</b>	<b>375.163</b>	<b>375.163</b>	<b>375.163</b>	<b>375.163</b>	<b>1.875.815</b>	<b>1.875.815</b>	<b>1.875.815</b>
	Siêu âm sàng lọc cho hộ nghèo, cận nghèo	(MP 332 cas) x 230.000đ	76.363	76.363	76.363	76.363	76.363	381.815		381.815
	Xét nghiệm 4 bệnh Douple test và triple	(332 ca x test 900.000 đ)	298.800	298.800	298.800	298.800	298.800	1.494.000		1.494.000
<b>5</b>	<b>Sàng lọc sơ sinh</b>		<b>109.560</b>	<b>109.560</b>	<b>109.560</b>	<b>109.560</b>	<b>109.560</b>	<b>547.800</b>	<b>547.800</b>	<b>547.800</b>
	Xét nghiệm SLSS 3 loại bệnh cho đối tượng nghèo, cận nghèo	(332ca x 330.000đ/1ca)	109.560	109.560	109.560	109.560	109.560	547.800		547.800
<b>6</b>	<b>Hội nghị tổng kết đánh giá Đề án</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>		<b>766.423</b>	<b>766.423</b>	<b>846.423</b>	<b>776.423</b>	<b>806.423</b>	<b>3.962.115</b>	<b>3.962.115</b>	<b>3.962.115</b>